

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Di.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2021/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đội 9 xóm Đ, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-11-2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện chung sống, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 04/02/2013). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai

ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhà cha mẹ ruột chị T tại xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Từ khi chung sống, anh N không hề lao động chăm lo cuộc sống gia đình. Mặc dù chị T đã cố gắng khuyên nhủ nhưng kết quả nhận được là thái độ xúc phạm của anh N. Vợ chồng chung sống không có sự thấu hiểu mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh N không chăm lo cuộc sống gia đình, quan tâm nuôi dưỡng con cái. Ngoài ra anh N thường xuyên có hành vi bạo lực với chị T cùng các con và cả bố mẹ ruột chị T. Vì thương các con còn quá nhỏ nên chị T nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm để anh N thay đổi tốt hơn nhưng không có kết quả. Đến tháng 6 năm 2015, sau khi chị T sinh con được một tháng anh N về quê tại huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ thời gian đó anh N chỉ vài lần về Nghệ An thăm các con nhưng mỗi lần về thăm con anh N thường xuyên gây sự vô cớ, dùng lời lẽ thô tục để chửi mắng, bạo lực với chị T và các con cùng cha mẹ chị T.

Nay chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về nuôi con chung: Chị T xác nhận chị và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thành D cùng sinh ngày 31/5/2015. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N không đến Tòa án tham gia giải quyết. Tòa án cũng không nhận được văn bản ý kiến hay bản tự khai của anh N.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh N vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành Đ và cháu Nguyễn Thành D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Lệ T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành N và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Nguyễn Thành N có địa chỉ cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh N tự nguyện chung sống, không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (chứng nhận kết hôn số 14 ngày 04/02/2003). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhà cha mẹ ruột chị T tại xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Từ khi chung sống, anh N không hề lao động chăm lo cuộc sống gia đình. Mặc dù chị T đã cố gắng khuyên nhủ nhưng kết quả nhận được là thái độ xúc phạm của anh N. Vợ chồng chung sống không có sự thấu hiểu mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh N không chăm lo cuộc sống gia đình, quan tâm nuôi dưỡng con cái. Ngoài ra anh N thường xuyên có hành vi bạo lực với chị T cùng các con và cả bố mẹ ruột chị T. Vì thương các con còn quá nhỏ nên chị T nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm để anh N thay đổi tốt hơn nhưng không có kết quả. Đến tháng 6 năm 2015, anh N về quê tại huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ thời gian đó anh N chỉ vài lần về Nghệ An thăm các con nhưng mỗi lần về thăm con anh N thường xuyên gây sự vô cớ, dùng lời lẽ thô tục để chửi mắng, bạo lực với chị T, các con cùng cha mẹ chị T. Tại Tòa chị xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác minh cho thấy: Anh N hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 12, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trước đó anh N ở ngoài Bắc sau đó về xã P sinh sống cùng với mẹ ruột khoảng 02 năm trở lại đây, không thấy có vợ con sống cùng do có mâu thuẫn với vợ.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy bản thân anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc đời sống hôn nhân.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh N là có thật, anh chị đã thực sự không còn tình cảm với nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T xác nhận chị và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ và Nguyễn Thành D cùng sinh ngày 31-5-2015. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai cháu, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu Đ, cháu D mong muốn được ở với mẹ và trên thực tế từ khi vợ chồng chị T anh N sống ly thân đến nay cháu Đ, cháu D vẫn sống với chị T tại Nghệ An. Các cháu đang độ tuổi đi học, có cuộc sống ổn định bên mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần tốt nhất cho các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Đ và cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Lệ T ly hôn anh Nguyễn Thành N.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thành Đ sinh ngày 31-5-2015 và Nguyễn Thành D sinh ngày 31-5-2015 cho chị Trần Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá N, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn N và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008565, ngày 20 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã H, TP V, Nghệ An.
- Đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Bình

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**